

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST

Ngày: 04-9-2026

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Phẩm và ông Nguyễn Kiên Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 29/2026/TLST- DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1**

Địa chỉ: số A, tổ A, phường Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N - Giám đốc và bà Lương Thị Kim H - Phó Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N - Giám đốc. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Triệu Thị X**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Thôn N, xã X, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 trình bày:*

Công ty TNHH N1 ký với bà Triệu Thị X các hợp đồng số 287/HĐMB ngày 01/01/2019 và hợp đồng số 380/2020 vào ngày 01/01/2020 làm cơ sở để cung ứng hàng hóa là vật tư, thức ăn chăn nuôi cho bà X từ năm 2019 đến năm 2021. Hàng hóa do Công ty cung cấp cho bà Triệu Thị X theo hợp đồng là các loại thức ăn chăn nuôi, các loại phân bón, các loại giống cây trồng, giống vật nuôi, các

loại thuốc thú ý, thuốc bảo vệ thực vật và các mặt khác khác. Khi bà X có nhu cầu mua hàng thì gọi điện hoặc gửi đơn đặt hàng qua công ty, nhận hàng có ký xác nhận từng mã hàng. Theo hợp đồng thỏa thuận, công ty đã giao đúng quy cách chất lượng của nhà sản xuất, có hướng dẫn đầy đủ và vận chuyển đến tận địa điểm bán của bà Triệu Thị X tại thôn N, xã X. Phía bà X không có ý kiến thắc mắc gì trong quá trình thực hiện việc giao hàng hóa của công ty. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà X có trách nhiệm thanh toán cho công ty ngay sau khi nhận hàng, nếu vi phạm hợp đồng quá thời gian thanh toán phải chịu lãi xuất 150% lãi suất ngân hàng T cùng thời điểm với số tiền thực tế trễ hạn.

Ngày 17/11/2021 Công ty và bà Triệu Thị X đã lập văn bản “Biên bản thỏa thuận việc thanh toán tiền công nợ quá hạn” và biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ và bà X đã xác nhận số tiền nợ Công ty tính đến ngày 17/11/2021 là 332.129.711 đồng. Bà Triệu Thị X cam kết thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty vào tháng 3/2022. Tuy nhiên, từ năm 2022 đến nay, nhiều lần Công ty đã đến trực tiếp và gửi thông báo thu hồi nợ nhưng bà X vẫn không trả.

Nay, Công ty yêu cầu bà Triệu Thị X có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 332.129.711 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N1 có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đối với bị đơn – bà Triệu Thị X:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Triệu Thị X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà X không đến Tòa án làm việc và cũng không có lời khai.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền mua hàng còn nợ là 332.129.711 đồng; Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại các hợp đồng 287/HĐMB ngày 01/01/2019 và hợp đồng số 380/2020 ngày 01/01/2020 ký kết giữa Công ty TNHH N1 và bà Triệu Thị X có thỏa thuận nội dung “trường hợp có tranh chấp, Công ty TNHH N1 có quyền khởi kiện đề yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn giải quyết”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự; đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, có lý do chính đáng; Bị đơn Triệu Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N1:

Công ty TNHH N1 và bà Triệu Thị X đã giao kết các hợp đồng mua bán hàng hóa số 287/HĐMB ngày 01/01/2019 và hợp đồng số 380/HĐMB/2020 vào ngày 01/01/2020 với các thỏa thuận cụ thể về loại hàng, số lượng hàng, cách thức đặt hàng, giao hàng, chính sách bán hàng, trách nhiệm của mỗi bên, phương thức thanh toán, thời gian thực hiện hợp đồng...

Ngày 17/11/2021 Công ty và bà Triệu Thị X đã lập văn bản “Biên bản thỏa thuận việc thanh toán tiền công nợ quá hạn” và biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ và bà X đã xác nhận số tiền nợ Công ty tính đến ngày 17/11/2021 là 332.129.711 đồng. Bà Triệu Thị X cam kết thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Công ty vào tháng 3/2022. Tuy nhiên, từ năm 2022 đến nay bà X không thanh toán tiền cho Công ty TNHH N1 theo cam kết.

Xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng, văn bản thỏa thuận về việc “thanh toán tiền công nợ quá hạn và “biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ” là tự nguyện, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung hợp đồng, văn bản thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên các hợp đồng và văn bản thỏa thuận giữa Công ty TNHH N1 và bà Triệu Thị X có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện thỏa thuận, bà Triệu Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với số tiền 332.129.711đ (ba trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười một đồng) nên Công ty TNHH N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Công ty TNHH N1 về việc yêu cầu bà Triệu Thị X phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 332.129.711đ (ba trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười một đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan điểm và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 5% của số tiền 332.129.711 đồng = 16.606.486 đồng;

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.303.243 đồng theo biên lai số 0002251 ngày 27/5/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N1.

Buộc bà Triệu Thị X phải thanh toán cho Công ty TNHH N1 toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa là 332.129.711 (ba trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười một) đồng.

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Triệu Thị X phải chịu 16.606.486 đồng (mười sáu triệu sáu trăm linh sáu nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho Công ty TNHH N1 số tiền 8.303.243 (tám triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002251 ngày 27/5/2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 6;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Út Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiên Cường Lương Thị Phẩm

Triệu Thị Út Hiền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Chợ Rã;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Út Hiền

